

- 1) Cán bộ chấm thi chấm đúng như hướng dẫn chấm, đáp án, thang điểm của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Nam.
- 2) Trong quá trình chấm cần quan tâm đến lí giải, lập luận của thí sinh. Nếu có câu nào, ý nào mà thí sinh có cách trả lời khác với hướng dẫn chấm nhưng đúng, thì vẫn cho điểm tối đa của câu, ý đó theo thang điểm.
- 3) Cán bộ chấm thi không quy tròn điểm của từng câu và của bài thi.

CÂU	NỘI DUNG	Điểm
Câu1.	Nét nổi bật của quan hệ quốc tế từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 2000 là gì? Nguyên nhân nào làm cho quan hệ quốc tế được mở rộng và đa dạng trong nửa sau thế kỷ XX?	2.5
	a. Nét nổi bật của quan hệ quốc tế từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 2000 :	
	So với các giai đoạn lịch sử trước đây, chưa bao giờ các quan hệ quốc tế được mở rộng và đa dạng như trong nửa sau thế kỷ XX với nét nổi bật:	
	- Sự thiết lập trật tự thế giới hai cực Ianta dẫn đến tình trạng đối đầu gay gắt giữa hai siêu cường Mĩ - Xô, hai phe TBCN - XHCN mà đỉnh cao là tình trạng Chiến tranh lạnh kéo dài hơn bốn thập kỷ. Tuy nhiên, các quốc gia vẫn cùng tồn tại hòa bình, vừa đấu tranh, vừa hợp tác.	
	- Những năm 70 của thế kỷ XX, xu thế hòa hoãn xuất hiện, chiến tranh lạnh chấm dứt, trật tự thế giới hai cực Ianta sụp đổ, một trật tự thế giới mới đang trong quá trình hình thành với xu thế “đa cực”... Thế giới chuyển dần sang xu thế hòa hoãn và hòa dịu, đối thoại, hợp tác và phát triển. Tuy vậy, đây đó vẫn còn những “di chứng” của Chiến tranh lạnh với những nguy cơ bùng nổ các cuộc xung đột do mâu thuẫn về sắc tộc, tôn giáo và tranh chấp lãnh thổ cùng những vụ khủng bố, chiến tranh ly khai.	
	b. Nguyên nhân làm cho quan hệ quốc tế được mở rộng và đa dạng trong nửa sau thế kỷ XX.	
	- CNXH đã trở thành hệ thống thế giới....	
	- Sự tham gia ngày càng nhiều của các nước Á, Phi, Mỹ Latinh mới giành độc lập vào các hoạt động chính trị quốc tế đã làm cho quan hệ quốc tế được mở rộng và đa dạng.	
	- Cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật đã tạo ra những phương tiện thông tin liên lạc và giao thông vận tải hiện đại, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng và đa dạng các mối quan hệ quốc tế, làm cho các dân tộc có điều kiện xích lại gần nhau hơn.	
	- Do qui mô toàn cầu của các hoạt động kinh tế – tài chính và chính trị của các quốc gia và các tổ chức quốc tế. Xu thế toàn cầu hóa đang ngày càng phát triển...	
	- Nhiều vấn đề toàn cầu đặt ra cần các nước chung tay giải quyết...	
	- Cả hai cường quốc Mĩ - Xô cũng như các nước khác đều có ý thức về những hiểm họa khủng khiếp không lường hết được của một cuộc chiến tranh hạt nhân. Hơn thế nữa, ý chí đấu tranh giữ gìn hòa bình của các dân tộc đã được đề cao hơn bao giờ hết, bởi họ đã vừa trải qua hai cuộc chiến tranh thế giới chỉ trong vòng chưa đầy nửa thế kỷ.	

CÂU	NỘI DUNG	Điểm
Câu 2	<i>Vì sao những năm 90 của thế kỷ XX, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) chuyển trọng tâm hợp tác sang lĩnh vực kinh tế? Việt Nam có những đóng góp gì cho tổ chức ASEAN trên lĩnh vực kinh tế trong thời gian này?</i>	3,0
	a. Những năm 90 của thế kỷ XX, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) chuyển trọng tâm hợp tác sang lĩnh vực kinh tế vì:	
	. Đến những năm 90 thế kỷ XX các nước ASEAN nhấn mạnh đến hợp tác kinh tế. Sở dĩ như vậy là vì:	
	- <i>Tác động của quan hệ quốc tế cuối những năm 80 đầu những năm 90 (thế kỷ XX)</i> + Sau khi Chiến tranh lạnh chấm dứt, trật tự hai cực I-an ta sụp đổ, trật tự đa cực nhiều trung tâm đang dần hình thành... + Quan hệ quốc tế chuyển từ tình trạng căng thẳng đối đầu sang hòa hoãn, đối thoại hợp tác..	
	- <i>Tác động của xu thế phát triển kinh tế trên thế giới buộc ASEAN phải hợp tác về kinh tế:</i> + Cuộc CMKH - CN phát triển mạnh mẽ .. + Xu thế toàn cầu hóa. ... + Sau khi Chiến tranh lạnh chấm dứt các nước đều có sự điều chỉnh trong đường lối phát triển đất nước, lấy phát triển kinh tế làm trọng tâm... + Đầu thập niên 90 của thế kỷ XX trên thế giới và châu Á có nhiều quốc gia thực hiện thành công công cuộc đổi mới, cải cách. Trong công cuộc đổi mới, cải cách, các nước đều tập trung phát triển kinh tế như: Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc... đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm cho các nước ASEAN...	
	- <i>Tác động của khu vực:</i> + Vấn đề Campuchia được giải quyết đã làm cho quan hệ giữa ASEAN và Đông Dương trở nên hòa dịu, đó là một trong những tiền đề để dẫn đến sự hợp tác giữa các nước. + Mục tiêu của ASEAN là thúc đẩy sự hợp tác về kinh tế, văn hóa giữa các nước thành viên trên tinh thần duy trì hòa bình và ổn định khu vực. Tuy nhiên thời kỳ đầu, hợp tác kinh tế, thương mại hết sức lỏng lẻo, không hiệu quả... + Các nước thành viên hầu hết là những quốc gia đang phát triển hoặc chậm phát triển, điều đó chưa thực sự xứng tầm với vị trí, tiềm năng và điều kiện mà tổ chức đang có. Do vậy cần đẩy mạnh hợp tác kinh tế để cải thiện diện mạo của mỗi quốc gia...	
	b. Việt Nam có những đóng góp gì cho tổ chức ASEAN trên lĩnh vực kinh tế trong thời gian này.	
	+ Việt Nam đã tiến hành thực hiện các cơ chế hợp tác của ASEAN: Khi chưa gia nhập ASEAN, Việt Nam tham gia Diễn đàn khu vực (ARF) . Khi là thành viên chính thức thì tham gia khu vực mậu dịch tự do (AFTA); tham gia chương trình hợp tác công nghiệp ASEAN (AICO)...góp phần khắc phục những yếu kém của tổ chức, thúc đẩy hợp tác khu vực phát triển.	
	+ Việt Nam đã tổ chức thành công Hội nghị cấp cao ASEAN lần 6 ở Hà Nội (1998) thông qua chương trình hành động Hà Nội đã đóng góp về ý tưởng và biện pháp nhằm thu hẹp khoảng cách và sự phát triển tiểu vùng..	
	+ Việt Nam đã trở thành thành viên sáng lập ASEM (1996) và APEC (1998), mở rộng không gian hợp tác với các nước Đông Á qua cơ chế ASEAN + 1 (Trung Quốc), ASEAN + 3..	

CÂU	NỘI DUNG	Điểm
Câu 3	a. Xác định sự kiện kết thúc hành trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc. Nêu ý nghĩa của sự kiện đó. b. Phân tích những yếu tố tác động đến việc Nguyễn Ái Quốc lựa chọn con đường giải phóng dân tộc theo khuynh hướng vô sản.	2,5
	a. Xác định sự kiện kết thúc hành trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc. Nêu ý nghĩa của sự kiện đó. - Xác định sự kiện: - 7/1920 Nguyễn Ái Quốc đọc bản Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lê-nin đăng trên báo Nhân đạo của Đảng Xã hội Pháp. - 12/1920 tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XVIII của Đảng Xã hội Pháp, Nguyễn Ái Quốc đã bỏ phiếu tán thành Quốc tế Cộng sản. - Ý nghĩa sự kiện trên: - Đánh dấu việc Nguyễn Ái Quốc đã tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc Việt Nam. Đây là công lao to lớn đầu tiên của Người đối với cách mạng Việt Nam. - Nguyễn Ái Quốc hoàn toàn tin và quyết định đi theo con đường cách mạng vô sản. - Mở đường giải quyết khủng hoảng về đường lối cứu nước giải phóng dân tộc Việt Nam...	
	b. Phân tích những yếu tố tác động đến việc Nguyễn Ái Quốc lựa chọn con đường giải phóng dân tộc theo khuynh hướng vô sản. * Yếu tố thời đại: - Chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn chủ nghĩa đế quốc bộc lộ rõ những hạn chế, bất công, mâu thuẫn..cách mạng tư sản là cách mạng không đến nơi... - Cách mạng tháng Mười Nga 1917 thành công, mở ra trước mắt các dân tộc bị áp bức “thời đại giải phóng dân tộc”. Chủ nghĩa Mác- Lênin trở thành hiện thực và được truyền bá rộng rãi khắp nơi, dẫn đến sự ra đời của Đảng cộng sản ở nhiều nước trên thế giới. Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lênin, chỉ ra phương hướng đấu tranh giải phóng các dân tộc bị áp bức.	
	* Yếu tố dân tộc - Phát huy truyền thống yêu nước chống ngoại xâm, các phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân Việt Nam diễn ra liên tục và anh dũng theo những con đường khác nhau nhưng đều bị thực dân Pháp dập tắt: + Thất bại của phong trào Cần vương cuối thế kỷ XIX khẳng định con đường cứu nước theo khuynh hướng phong kiến là không thành công, độc lập dân tộc không thể gắn với chế độ phong kiến. + Thất bại của phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX khẳng định con đường giải phóng dân tộc theo khuynh hướng dân chủ tư sản không hề giành thắng lợi, độc lập dân tộc không gắn liền với chủ nghĩa tư bản. - Đất nước lâm vào “tình hình đen tối dường như không có đường ra”. Tình hình đó đặt ra yêu cầu bức thiết phải tìm con đường cứu nước mới.	
	* Yếu tố chủ quan: Trí tuệ và nhân quan chính trị của Nguyễn Ái Quốc thể hiện: - Nhận thấy hạn chế trong con đường cứu nước cũ (của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Hoàng Hoa Thám...) Vì thế mặc dù rất khâm phục tinh thần yêu nước của các vị tiền bối, nhưng Nguyễn Ái Quốc không tán thành những con đường của họ mà quyết tâm ra đi tìm con đường mới. - Kết hợp nghiên cứu lý luận với khảo sát thực tiễn ở nhiều quốc gia trên thế giới, kể cả các nước tư bản và thuộc địa, nhất là ba nước phát triển: Anh, Pháp, Mĩ; rút ra nhiều kết luận quan trọng về cách mạng tư sản là cuộc cách mạng chưa đến nơi; về	

CÂU	NỘI DUNG	Điểm
	bạn và thù của cách mạng Việt Nam ...đặc biệt phát hiện thấy trong Luận cương của Lênin một khuynh hướng cứu nước mới - khuynh hướng vô sản. Như vậy dưới ảnh hưởng của các yếu tố khách quan, chủ quan đã giúp Nguyễn Ái Quốc xác định được “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác ngoài con đường cách mạng vô sản”.	
Câu 4	Chứng minh: Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 là thắng lợi của tinh thần đại đoàn kết dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương. Trình bày suy nghĩ của anh /chị về vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.	3.0
	a. Chứng minh: Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 là thắng lợi của tinh thần đại đoàn kết dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng:	
	- Đại đoàn kết toàn dân là truyền thống quý báu của dân tộc ta, là một trong những nguyên nhân chủ yếu làm nên những thắng lợi trong các cuộc chiến tranh giữ nước trong lịch sử dân tộc. Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (2/ 1930) trên cơ sở vận dụng sáng tạo Chủ nghĩa Mác – Lênin vào hoàn cảnh lịch sử đặc thù của Việt Nam, Đảng đã phát huy cao độ tinh thần đại đoàn kết dân tộc đưa đến thắng lợi của CM 8/1945.	
	- <i>Tinh thần đại đoàn kết trước hết được thể hiện qua công tác chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa giành chính quyền:</i>	
	+ Về chủ trương, đường lối: (Xác định lực lượng trong Cương lĩnh chính trị..., chủ trương trong các Hội nghị 11/1939, 11/1940, 5/1941 ...đã đáp ứng được nguyện vọng của nhân dân, huy động sức mạnh toàn dân tộc;	
	+ Xây dựng lực lượng chính trị, đỉnh cao của tư tưởng đại đoàn kết, phát huy sức mạnh của quần chúng chính là Mặt trận VM ...với các Hội cứu quốc...	
	+ Xây dựng lực lượng vũ trang: Lực lượng vũ trang được xây dựng và trưởng thành trên cơ sở lực lượng toàn thể nhân dân (vũ trang nhân dân, dân quân tự vệ...)	
	- <i>Tư tưởng đại đoàn kết được thể hiện rõ nét trong tiến trình cách mạng:</i>	
	+ Trung ương Đảng, chủ tịch HCM đã chớp đúng thời cơ phát lệnh tổng khởi nghĩa giành chính quyền thì toàn dân nhất tề đứng lên cứu nước, cứu nhà, quần chúng tham gia xuống đường giành chính quyền ở Huế, Hà Nội, Sài Gòn ...	
	+ Lực lượng chính trị đóng vai trò quyết định, lực lượng vũ trang đóng vai trò nòng cốt, hỗ trợ đã làm nên thắng lợi của Cách mạng tháng Tám.	
	+ Ngoài ra còn có sự tham gia đóng góp không nhỏ của lực lượng trung gian...	
	- <i>Tư tưởng đại đoàn kết thể hiện rõ trong thành quả cách mạng đạt được:</i>	
	Thực tế cách mạng tháng Tám đã lật đổ Nhật, Pháp, PK tay sai đưa nhân dân lên làm chủ đất nước, chủ trương xây dựng nước VNDCCH tại Hội nghị VIII đã trở thành hiện thực. Đây là một nhà nước của toàn dân tộc...	
	Tóm lại, tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc được thể hiện rõ nét qua công tác chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa giành chính quyền, trong tiến trình cách mạng và thành quả cách mạng đạt được đã đưa đến sự thành công của Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam ..	
	b.Trình bày suy nghĩ của anh (chị) về vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.	

CÂU	NỘI DUNG	Điểm
	- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có vai trò rất quan trọng việc tập hợp, tổ chức, tăng cường khối đoàn kết toàn dân tạo nên sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong nhân dân, thắt chặt mật thiết giữa nhân dân với Đảng và Nhà nước để thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. - Phát huy quyền làm chủ, hiệp thương và thống nhất hành động trong các tầng lớp nhân dân và tổ chức chính trị... - Đoàn kết mọi cá nhân VN, mọi tổ chức yêu nước ... xây dựng nền kinh tế vững mạnh, giảm phụ thuộc từ bên ngoài; chống lại các âm mưu chia rẽ từ bên ngoài, chống chiến lược diễn biến hòa bình. Đặc biệt, trước những hành động khiêu khích, gây hấn, thù địch của Trung Quốc ở biển Đông hiện nay, vai trò của mặt trận càng được phát huy hơn bao giờ hết trong sự nghiệp bảo vệ đất nước, bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ...	
Câu 5	Trình bày và nhận xét chủ trương của Đảng Cộng sản Đông Dương trong việc giải quyết vấn đề dân tộc và dân chủ của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn 1930 – 1945.	3.0
	- Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đầu năm 1930, trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên Nguyễn Ái Quốc đã khẳng định nhiệm vụ của cách mạng tư sản dân quyền ở nước ta là phải “đánh đế quốc Pháp, bọn phong kiến và tư sản phản cách mạng làm cho nước Việt Nam độc lập tự do... tịch thu hết sản nghiệp lớn của đế quốc ; tịch thu ruộng đất của đế quốc và bọn phản cách mạng chia cho dân cày nghèo, tiến hành cách mạng ruộng đất...” Nguyễn Ái Quốc xem dân tộc và dân chủ là hai nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Việt Nam nhưng nhiệm vụ dân tộc được nhấn mạnh hơn... <i>->Cương lĩnh đã kết hợp đúng đắn vấn đề dân tộc với vấn đề giai cấp. Trong đó đưa vấn đề dân tộc lên hàng đầu. Điều này thể hiện sự đúng đắn, sáng tạo của Đảng trong việc giải quyết mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng. Vì đặc điểm của xã hội Việt Nam là xã hội thuộc địa nửa phong kiến, nên mâu thuẫn cơ bản là mâu thuẫn giữa toàn thể nhân ta với thực dân Pháp và tay sai....</i>	
	- Đến Luận cương Chính trị tháng 10 – 1930 Đảng ta cũng đã chỉ ra cách mạng Việt Nam bao gồm hai nhiệm vụ dân tộc và dân chủ. Luận cương xác định: Hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng là đánh đổ phong kiến và đánh đổ đế quốc. Hai nhiệm vụ này có mối quan hệ khăng khít với nhau. <i>->Luận cương đã đề ra hai nhiệm vụ cơ bản và cấp thiết của cách mạng Việt Nam đó là giải phóng dân tộc và cách mạng ruộng đất... Tuy nhiên Luận cương không đưa ngọn cờ dân tộc lên hàng đầu mà nặng về đấu tranh giai cấp và cách mạng ruộng đất. Đây là hạn chế của Luận cương về nhiệm vụ cách mạng. Những hạn chế này được khắc phục trong giai đoạn lịch sử sau đó..</i>	
	- Trong giai đoạn từ 1936 đến 1939 Đảng ta tạm gác vấn đề dân tộc, chỉ đề ra nhiệm vụ “chống phản động thuộc địa, chống phát xít, chống nguy cơ chiến tranh, đòi tự do, dân chủ, cơm áo hòa bình”. <i>->Do sự thay đổi của tình hình thế giới, trong nước và tiếp thu đường lối Quốc tế Cộng sản, Đảng Cộng sản Đông Dương đã đề ra những nhiệm vụ chiến lược và sách lược mới. Điều này thể hiện sự linh hoạt, sáng tạo của Đảng trước tình hình mới. Tuy nhiên đường lối đó vẫn bao hàm hai nhiệm vụ dân tộc và dân chủ, vẫn gắn liền nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến.</i>	
	- Trong giai đoạn từ 1939 – 1945 trên cơ sở tình hình thế giới và trong nước có sự thay đổi, các Hội nghị 11/1939, tháng 5/1941... của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã thực hiện chuyển hướng chỉ đạo chiến lược; đặt nhiệm vụ giải phóng	

CÂU	NỘI DUNG	Điểm
	dân tộc lên hàng đầu, tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, chỉ đề ra khẩu hiệu “tịch thu ruộng đất của đế , quốc việt gian chia cho dân cày nghèo...” -> <i>Thể hiện sự chuyển hướng chỉ đạo đúng đắn của Đảng, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc hàng đầu, nhằm giải quyết vấn đề số 1 là độc lập dân tộc. Vì trong giai đoạn này mâu thuẫn dân tộc gay gắt hơn bao giờ hết, vận mệnh dân tộc nguy vong chưa lúc nào bằng nên vấn đề dân tộc trở nên cấp bách, đặc biệt Hội nghị Trung ương Đảng lần VIII đã chỉ đạo việc giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ từng nước Đông Dương nhằm phát huy hơn nữa sức mạnh của từng dân tộc...</i>	
	Như vậy, trong giai đoạn từ 1930 – 1945 Đảng ta đều xác định dân tộc – dân chủ là hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam. Hai nhiệm vụ này có mối quan hệ khăng khít với nhau. Tùy vào thời kỳ lịch sử cụ thể Đảng đã giải quyết mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ trên cho phù hợp.	
Câu 6	a. Anh (chị) hãy làm sáng tỏ hành động “lấn tới” của thực dân Pháp từ sau ngày 6/3/1946. Trình bày và nhận xét về chủ trương của Đảng Cộng sản Đông Dương trước những hành động đó. b. Vì sao Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương xác định “kháng chiến trường kì” là một trong những nội dung của đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược?	3.0
	a. Làm sáng tỏ hành động “lấn tới” của thực dân Pháp từ sau ngày 6/3/1946. Trình bày và nhận xét về chủ trương của Đảng Cộng sản Đông Dương trước những hành động đó.	
	<i>* Làm sáng tỏ hành động “lấn tới” của thực dân Pháp từ sau ngày 6/3/1946:</i> - Ngay sau ngày 6/3/1946 Pháp mở các cuộc tấn công ta ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ - Tháng 11/1946 quân Pháp khiêu khích tấn công ta ở Hải Phòng và Lạng Sơn - Ở Hà Nội Pháp bắn súng ném lựu đạn, đốt nhà thông tin chiếm cơ quan Bộ tài chính... -> Pháp từng bước bội ước và tiến công ta... - 18/12/1946 Pháp gửi Tội hủ thư đòi chính phủ ta giải tán lực lượng tự vệ... Đây là đỉnh điểm của sự bội ước...	
	<i>* Chủ trương của Đảng ta trước những hành động đó của Pháp:</i> - Ngày 12/12/1946 Ban TV TW Đảng ra Chỉ thị toàn dân kháng chiến. - 18, 19/12/1946 Ban TV TW Đảng họp Hội nghị mở rộng tại Vạn Phúc (Hà Đông) quyết định phát động cả nước kháng chiến. - 19/12/1946 Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.	
	<i>* Nhận xét chủ trương:</i> Chủ trương của Đảng kịp thời, đúng đắn, phù hợp với nguyện vọng cứu nước của toàn dân tộc. Thể hiện tinh chủ động của Đảng trước dã tâm của kẻ thù...	
	b. Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương xác định “kháng chiến trường kì” là một trong những nội dung của đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946 – 1954) vì:	
	+ Xuất phát từ so sánh lực lượng giữa ta và địch trong buổi đầu kháng chiến. Ta tuy có thế mạnh về chính trị, tinh thần nhưng yếu hơn địch về kinh tế và quân sự. Tương quan lực lượng chênh lệch không đảm bảo cho cuộc kháng chiến của ta giành thắng lợi nhanh chóng.	
	+ Đảng chủ trương kháng chiến lâu dài vì ta cần có thời gian vừa kháng chiến vừa kiến quốc, vừa kháng chiến vừa xây dựng hậu phương, tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ của quốc tế.	
	+ Thực hiện kháng chiến lâu dài nhằm chống lại kế hoạch “đánh nhanh thắng nhanh” của thực dân Pháp không cho địch phát huy lối đánh sở trường của chúng,	

CÂU	NỘI DUNG	Điểm
	buộc chúng đánh theo lối đánh sở trường của ta.	
	+ Kháng chiến lâu dài của ta có thể đưa địch vào tình thế bị sa lầy trong chiến tranh. Đội quân viễn chinh của chúng có thể gặp khó khăn lớn về kinh tế ; bị tiêu hao dần về lực lượng...	
	+ Trên cơ sở thực hiện phương châm đánh lâu dài làm thay đổi dần tương quan lực lượng giữa ta và địch, từng bước giành thắng lợi, tiến lên tranh thủ thời cơ giành thắng lợi hoàn toàn.	
Câu 7	Dựa vào điều kiện thời cơ như thế nào Bộ Chính trị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đề ra chủ trương, kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam vào cuối năm 1974 đầu năm 1975? Nêu nội dung và phát biểu ý kiến của anh /chị về chủ trương, kế hoạch đó.	3,0
	<i>a. Điều kiện, thời cơ:</i>	
	- Sau Hiệp định Pa-ri, so sánh tương quan lực lượng ở miền Nam thay đổi có lợi cho ta: lực lượng lớn mạnh, vùng giải phóng được mở rộng; miền Bắc hòa bình vừa lập lại, có điều kiện chi viện cho miền Nam...	
	- Cuối 1974 đầu 1975 ta giành thắng lợi vang dội trong chiến dịch Đường 14 – Phước Long. Tình hình đó khẳng định rõ thêm nhận định của Đảng về sự lớn mạnh và khả năng thắng lớn của ta...	
	- Sự thay đổi trong so sánh tương quan lực lượng và sự trưởng thành, lớn mạnh cả về thế và lực của cách mạng là điều kiện quan trọng để Bộ Chính trị Trung ương Đảng đề ra kế hoạch giải phóng miền Nam.	
	<i>b. Nội dung:</i>	
	- Bộ Chính trị đề ra kế hoạch giải phóng miền Nam trong 2 năm 1975 và 1976. Nhưng nhấn mạnh “cả năm 1975 là thời cơ” và chỉ rõ “nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975”.	
	- Bộ Chính trị cũng nhấn mạnh sự cần thiết tranh thủ thời cơ đánh nhanh để đỡ thiệt hại về người và của cho nhân dân...	
	<i>c. Phát biểu ý kiến của anh (chị) về chủ trương, kế hoạch đó:</i>	
	- Chủ trương, kế hoạch giải phóng miền Nam của Đảng thể hiện tính đúng đắn, chủ động, linh hoạt, sáng tạo và nhân văn: + Tính đúng đắn, chủ động được thể hiện rõ nét qua kế hoạch giải phóng miền Nam đề ra trong hoàn cảnh quân đội Sài Gòn đã suy yếu, so sánh lực lượng trên chiến trường có sự thay đổi theo chiều hướng có lợi cho cách mạng, đặc biệt sau chiến thắng Phước Long. + Tính linh hoạt, sáng tạo thể hiện ở việc xác định kế hoạch giải phóng miền nam trong 2 năm 1975 1976 nhưng cũng sẵn sàng giải phóng miền Nam trong năm 1975 khi thời cơ đến. + Tính nhân văn thể hiện qua việc Đảng nhấn mạnh: Tranh thủ thời cơ để đỡ thiệt hại về người và của cho nhân dân, giảm bớt sự tàn phá chiến tranh đến các cơ sở kinh tế, văn hóa... - Chủ trương kế hoạch giải phóng miền Nam của Đảng là một trong những yếu tố quan trọng dẫn đến sự toàn thắng cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975. - Thể hiện quyết tâm của toàn dân tộc trong việc giải phóng hoàn toàn miền Nam thống nhất đất nước. Kế thừa và phát huy truyền thống đấu tranh, nghệ thuật quân sự của dân tộc ta, để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu cho cách mạng Việt Nam....	

..... HẾT.....